

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:75/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 11 - 2019

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi

con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Hoàng Văn Công;

2, Bà Vũ Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 298/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thiều Thị L

Địa chỉ: Thôn Kh, xã Tr, huyện L, tỉnh Y; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lý Văn C

Địa chỉ: Thôn 02 , xã Phi, huyện L, tỉnh Y; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 8 năm 2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Chị Thiều Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Lý Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện L, tỉnh Y ngày 29-02-2010. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do Anh C không quan tâm đến cuộc sống chung vợ chồng, hai người thường xảy ra cãi vã. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2019, cho đến nay không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Hiện tại Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Y giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Lý Văn C.

Về con chung: Trong thời chung sống Chị L, Anh C có 02 con chung cháu Lý Sơn H, sinh ngày 10-3-2012, Thiều Thị Quỳnh Th, sinh ngày 25-10-2019, Con lớn hiện đang ở cùng Anh C tại Thôn 02, xã Phi, huyện L, tỉnh Y, con nhỏ ở với chị tại Thôn Kh, xã Tr, huyện L, tỉnh Y. Khi ly hôn Chị L có quan điểm được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu Anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của đương sự, tiến hành phiên mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ do Anh C vắng mặt tòa án đã lập biên bản không hòa giải được về việc nuôi con chung.

Tại phiên tòa: Anh C thừa nhận quan hệ hôn nhân, con chung như Chị L trình bày là đúng thực tế, anh đồng ý ly hôn, có quan điểm được nuôi con chung Lý Sơn H đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Tài sản chung công, công nợ chung Anh C không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía nguyên đơn Chị Thiều Thị L, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, Anh Lý Văn C không có mặt tại phiên hòa giải là chưa chấp hành tốt quy định của pháp luật về nghĩa vụ của đương sự.

Áp dụng Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung vụ án đề nghị:

1. Về quan hôn nhân: Chị Thiều Thị L được ly hôn với Anh Lý Văn C.

2. Về con chung: Đề nghị xử giao cháu Lý Sơn H, sinh ngày 10-3-2012 cho Anh C được trực tiếp được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Thiều Thị L chăm sóc nuôi dưỡng con chung Thiều Thị Quỳnh Th, sinh ngày 25-10-2019 do cháu dưới 36 tháng tuổi. Chị L, Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L, Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thiều Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật vụ án ly hôn, theo đơn khởi kiện của Chị Thiều Thị L, do bị đơn có địa chỉ tại thôn 02, xã Phúc Lợi, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ thẩm quyền theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do nguyên đơn Chị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thiều Thị L và Anh Lý Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện L, tỉnh Y vào ngày 29-02-2010 Hội đồng xét xử xét thấy thời điểm anh chị đăng ký kết hôn Anh C sinh ngày 25-11-1992 chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn (17 tuổi 3 tháng 03 ngày) như vậy việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện L, tỉnh Y đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

“ Điều 9. Điều kiện kết hôn Nam nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:

1. Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên”.

Quan hệ hôn nhân giữa Chị Thiều Thị L và Anh Lý Văn C là quan hệ không hợp pháp, tuy nhiên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có nội dung.

“Điều 4. Xử lý yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

1.....

2. Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau:

a).....

b).....

c) Trường hợp hai bên cùng yêu cầu Tòa án cho ly hôn hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án giải quyết cho ly hôn. Trường hợp này, quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con từ thời điểm kết hôn đến thời điểm ly hôn được giải quyết theo quy định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con khi ly hôn; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến trước thời điểm đủ điều kiện kết hôn được giải quyết theo quy định tại Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn đến thời điểm ly hôn được giải quyết theo quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.”

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.* Trên thực tế vợ chồng Chị L, Anh C thường xuyên xảy ra cãi vã, có lần đánh nhau, thôn và gia

đình đã giàn hòa, khuyên nhủ nhiều lần nhưng không cải thiện được quan hệ tình cảm vợ chồng giữa hai anh, chị. Chị Lập, Anh C sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay được thể hiện tại biên bản xác minh ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại thôn 02, huyện L, tỉnh Y.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa Chị L và Anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện của chị Lập được ly hôn với Anh C là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ chung sống anh, chị có 02 con chung là cháu Lý Sơn H, sinh ngày 10-3-2012, cháu Thiều Thị Quỳnh Th, sinh ngày 25-10-2019. Khi ly hôn Chị L có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, Anh C có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu H cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị L, Anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại Chị L, Anh C đều có thu nhập ổn định Chị L 5.000.000 đồng, Anh C thu nhập 3.000.000 đồng trên một tháng, có chỗ ở ổn định, cháu Hải tuy có nguyện vọng được ở với mẹ nhưng thực tế cháu học từ nhỏ tại xã Ph, huyện L. Mặt khác Chị L vừa sinh con thứ hai cháu Thiều Thị Quỳnh Th, về điều kiện sức khỏe thu nhập sẽ không đáp ứng việc nuôi cả hai con chung.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, xem xét tình hình thực tế của Chị Thiều Thị L và Anh Lý Văn C có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H cho anh C nuôi dưỡng, Chị Thiều Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu Th là hợp tình, hợp lý và cũng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu về ăn mặc, học hành cùng những điều kiện khác cho sự phát triển thể chất và tinh thần. Chị L, Anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận. Chị L, Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Kiến nghị của Hội đồng xét xử: Từ ngày 01-01-2015 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực pháp luật, do đó cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 luật này cần xem xét điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 để tránh những sai phạm khi áp dụng các quy định pháp luật hôn nhân và gia đình, như nhận định đã nêu ở đoạn “**[2] Về quan hệ hôn nhân**”.

[6] Về án phí: Chị Thiều Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo : Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật căn cứ Điều 271, Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06-01-2016; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1, Về quan hệ hôn nhân: Chị Thiều Thị L được ly hôn với Anh Lý Văn C.

2, Về con chung: Chị Thiều Thị L trực tiếp, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung cháu Thiều Thị Quỳnh Th, sinh ngày 25-10-2019, Anh Lý Văn C trực tiếp, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung cháu Lý Sơn Hải, sinh ngày 10-3-2012 đến khi trưởng thành, chị L, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung Chị L, Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3, Về án phí: Chị Thiều Thị L phải nộp 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số: AA/2017/0004610 ngày 24-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm anh C có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã P;
- UBND xã Tr;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh

